TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 09-01-2019
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy

Các Thẩm phán: + Ông Huỳnh Văn Ngoan

+ Bà Trần Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Quyên -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2018/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp " Xin ly hôn".

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 295/2018/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân Thị xã G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 365/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Kim H, sinh năm 1991; (có mặt);

Địa chỉ: Lưu Thị D, phường H1, Thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Doãn Văn T, sinh năm 1991; (có mặt);

Địa chỉ: Trần Hưng Đ, phường B, Thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn - chị Trương Kim H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

-Nguyên đơn - chị Trương Kim H trình bày: Chị và anh Doãn Văn T quen biết, tìm hiểu nhau và tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, Thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không lo làm ăn, suốt ngày chỉ lo chơi game, sống không có trách nhiệm với gia đình. Anh chị sống ly thân từ tháng 01 năm 2018 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: có một con chung tên Doãn Tính H2, sinh ngày 04/02/2013. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

-Bị đơn - anh Doãn Văn T trình bày: Vợ chồng anh cưới nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, Thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh không lo làm ăn. Tuy nhiên, anh không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương yêu vợ, con.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung như chị H trình bày. Nếu ly hôn anh đồng ý để cháu H2 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 295/2018/HNGĐ-ST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân Thị xã G, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Kim H về việc xin ly hôn với anh Doãn Văn T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 24/10/2018, chị Trương Kim H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho chị được ly hôn với anh T, đồng thời xem xét cho chị được tiếp tục giáo dục và nuôi dưỡng con chung là cháu Doãn Tính H2, sinh ngày 04/02/2013. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chị Trương Kim H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; anh Doãn Văn T không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của chị H. Hai bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Trương Kim H, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Trương Kim H và anh Doãn Văn T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, Thị xã G, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47/2011, quyển số 01/2011 ngày 27/12/2011 nên được xem là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo chị H trình bày sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, thường xuyên uống rượu và chơi game nên chị không còn tình cảm với anh T nên đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay. Tại phiên tòa chị yêu cầu được ly hôn với anh T, đồng thời yêu cầu được tiếp tục nuôi chung là cháu Doãn Tính H2, sinh ngày 04/02/2013 mà không cần anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về phía anh T thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn như chị H trình bày là đúng. Tuy nhiên, anh T cho rằng mâu thuẫn không lớn và anh đã nhận ra lỗi của mình, quan trọng hơn là anh đã có hướng khắc phục, sửa chữa lỗi lầm, tu chí làm ăn, quan tâm, chăm sóc chị H và cháu H2. Anh T yêu cầu Tòa án bác đơn khởi kiện của chị H để tạo cơ hội cho anh hàn gắn, đoàn tụ.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định mâu thuẫn giữa chị H, anh T chưa đến mức độ trầm trọng, nguyên nhân cãi nhau xuất phát từ việc anh T mê chơi, không lo làm ăn. Nay anh T đã thấy được lỗi lầm của mình và hứa quyết tâm sửa chữa. Chị H cũng xác định tại phiên tòa nếu Tòa án không cho chị ly hôn với anh T thì cũng không ảnh hưởng gì đến sức khỏe và tinh thần của chị, do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Chị H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới, vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với những nhận định nêu trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí hôn nhân phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội "quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Trương Kim H.

Giữ nguyên bản án Hôn nhân sơ thẩm số 295/2018/HNGĐ-ST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân Thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Kim H về việc xin ly hôn với anh Doãn Văn T.

2. Về án phí: Chị Trương Kim H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 42644 ngày 07/8/2018 và biên lai số

42752 ngày 25/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND TX.G;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS TX.G;
- Đương sự;
- UBND P.B, TX.G;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thu Thủy